

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Tháng 07, năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 từ trang 6 đến trang 23 kèm theo.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4403000108 ngày 01/01/2008 và thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 20/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông Nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

Công ty kinh thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu K5, Phường Long Thủy, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Tuấn Hải	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Ninh Viết Định	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Anh Vũ	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Đinh Văn Sơn	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tuấn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại 30/06/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 23 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
Khu K5, Long Thủy, Phước Long, Bình Phước

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài Chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Luu*



Lưu Văn Hải
Tổng Giám đốc
Bình Phước, ngày 30 tháng 07 năm 2010



Số: 2010/UHY-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ*

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 từ trang 6 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

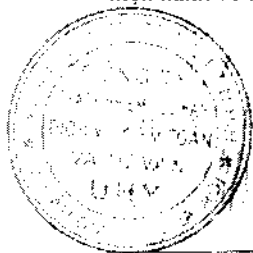
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 30/06/2010 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung
 Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Tô Thị Thanh Nga
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
I	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		251.229.179.469	266.847.865.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.345.148.294	108.965.928.799
1. Tiền	111		41.345.148.294	73.965.928.799
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	191.009.944.445	138.981.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		191.009.944.445	138.981.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.315.540.358	12.616.164.929
1. Phải thu khách hàng	131		4.965.839.432	5.526.419.639
2. Tra trước cho người bán	132		371.018.000	273.514.450
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	7.978.682.926	6.816.230.840
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.925.202.372	5.107.090.328
1. Hàng tồn kho	141	V.4	4.925.202.372	5.107.090.328
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		633.344.000	1.177.681.500
1. Chi phí tra trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		633.344.000	1.177.681.500
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.170.816.176.631	1.225.368.388.131
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		988.759.774.131	1.052.083.985.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	977.196.002.588	1.041.090.117.888
- Nguyên giá	222		1.964.374.602.916	1.964.374.602.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(987.178.600.328)	(922.984.485.028)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	9.878.280.279	10.993.869.487
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(191.284.481)	(63.695.273.027)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	1.685.491.264	87.998.438
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	181.858.000.000	172.858.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.400.000.000	1.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		171.458.000.000	171.458.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		198.402.500	426.402.500
3. Tài sản dài hạn khác	268		198.402.500	426.402.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.422.045.356.100	1.492.216.253.687

Các Thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		613.255.682.187	639.829.409.028
I. Nợ ngắn hạn	310		120.111.280.933	146.685.007.774
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	38.812.000.000	77.624.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.135.207.793	845.664.348
3. Người mua trả tiền trước	313		-	1.220.012.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	29.921.108.632	41.413.177.964
5. Phải trả người lao động	315		2.787.402.160	5.619.482.263
6. Chi phí phải trả	316	V.11	18.350.280.608	15.779.343.492
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	25.753.181.746	3.940.526.817
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.352.099.994	242.800.390
II. Nợ dài hạn	330		493.144.401.254	493.144.401.254
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	493.114.248.446	493.114.248.446
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.152.808	30.152.808
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		808.789.673.913	852.386.844.659
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	808.789.673.913	852.386.844.659
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.057.749.614	7.057.749.614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.197.387.119	3.453.588.532
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		84.534.537.180	141.875.506.513
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.422.045.356.100	1.492.216.253.687

Bình Phước, ngày 30 tháng 06 năm 2010

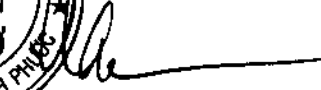
Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc




Lê Tuấn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	128.991.765.703	186.562.116.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	128.991.765.703	186.562.116.803
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	81.337.366.518	86.320.081.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.654.399.185	100.242.035.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.026.386.826	4.291.939.473
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	33.124.116.988	38.836.042.765
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.124.116.988	38.836.042.765
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.284.557.017	4.167.927.576
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.272.112.006	61.530.004.228
11. Thu nhập khác	31		1.077.000	175.916.336
12. Chi phí khác	32		-	301.830.226
13. Lợi nhuận khác	40		1.077.000	(125.913.890)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.273.189.006	61.404.090.338
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.027.047.252	10.747.954.783
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.246.141.754	50.656.135.555
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			132	724

Bình Phước, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc




Lê Tuấn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		12.273.189.006	61.404.090.338
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		64.921.704.306	63.983.846.286
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(2.191.386.826)	(4.291.939.473)
- Chi phí lãi vay	6		33.124.116.988	38.836.042.765
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		108.127.623.474	159.932.039.916
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(2.344.580.175)	(20.759.370.627)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		181.887.956	(364.449.293)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		(3.890.883.820)	3.576.295.073
- Tiền lãi vay đã trả	13		(34.362.287.072)	(50.687.571.216)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.747.954.783)	(2.197.098.677)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.220.012.500	33.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.423.432.623)	(2.125.274.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.760.385.457	87.407.570.177
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(118.341.444.445)	-
4. Tiền bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		66.312.500.000	45.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.000.000.000)	(97.280.000.000)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.457.828.493	4.291.939.473
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.571.115.952)	(47.988.060.527)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.812.000.000)	(38.812.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.998.050.010)	(4.262.734.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(65.810.050.010)	(43.072.734.473)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(67.620.780.505)	(13.653.224.750)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		108.965.928.799	4.787.653.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	41.345.148.294	1.134.429.085

Bình Phước, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Khánh

Lê Tuấn Hải



Các Thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 (thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 20/05/2009) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông Nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu K5, Phường Long Thủy, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ: đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, du lịch./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán đang được Công ty áp dụng là hình thức chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20/03/2006 về việc "Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp" và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp"), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối kỳ là chi phí thực hiện các hợp đồng định vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Lập dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

7. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này. Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư 177/2009/TT-BTC ngày 10/09/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn xác định thu nhập chịu thuế đối với chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ".

8. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có thể thu được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính dựa trên lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định Lợi nhuận chịu thuế cũng như Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng của Công ty là 25%.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 45/2009/TT-BTC ngày 11/03/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở sản xuất thủy điện; Thông tư số 124/2009/TT-BTC ngày 17/06/2009 hướng dẫn thi hành Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế Tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	52.621.192	226.503.357
Tiền gửi ngân hàng	41.292.527.102	73.739.425.442
Các khoản tương đương tiền	-	35.000.000.000
Cộng	41.345.148.294	108.965.928.799

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	191.009.944.445	138.981.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại NHPT Bình Phước</i>	<i>2.280.000.000</i>	<i>2.280.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại NHCT Bình Phước</i>	<i>52.178.888.889</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại NHCT CN8 Tp. Hồ Chí Minh</i>	<i>86.326.000.000</i>	<i>106.701.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Tài chính CP Điện lực</i>	<i>20.000.166.667</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại NHTMCP Quốc Tế - CN Sài Gòn</i>	<i>30.224.888.889</i>	-
Cộng	191.009.944.445	138.981.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Trả hệ BQLDA TĐ Thác Mơ mở rộng	5.929.625.772	3.512.717.019
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.037.072.154	3.234.601.900
Phải thu khác	11.985.000	68.911.921
Cộng	7.978.682.926	6.816.230.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.774.156.249	3.267.157.810
Công cụ, dụng cụ	396.842.201	263.815.395
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	754.203.922	1.576.117.123
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	4.925.202.372	5.107.090.328

5. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2010	10.069.564.760	10.069.564.760
Tại ngày 30/06/2010	10.069.564.760	10.069.564.760
GIÁ TRỊ HAO MÔN LUY KẾ		
Tại ngày 01/01/2010	63.695.273	63.695.273
- Khấu hao trong kỳ	127.589.208	127.589.208
Tại ngày 30/06/2010	191.284.481	191.284.481
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2010	10.005.869.487	10.005.869.487
Tại ngày 30/06/2010	9.878.280.279	9.878.280.279

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	1.685.491.264	87.998.458
Trong đó:		
+ Nâng cấp thiết bị thị trường điện	87.998.458	87.998.458
+ Đại tu hệ thống cứu hỏa và báo cháy	44.919.176	-
+ Đại tu hệ thống chiếu sáng	278.470.204	-
+ Đại tu tổ máy H2	1.274.103.426	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

7. Tài sản có định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	1.240.308.556.436	597.751.383.753	116.854.031.938	9.460.630.789	1.964.374.602.916
Tại ngày 30/06/2010	1.240.308.556.436	597.751.383.753	116.854.031.938	9.460.630.789	1.964.374.602.916
GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	557.176.762.925	303.518.713.501	53.150.062.904	8.538.945.900	922.384.485.230
- Khấu hao trong kỳ	24.709.417.788	36.647.604.774	3.158.213.586	278.878.950	64.794.115.098
Tại ngày 30/06/2010	581.886.180.713	340.166.318.275	56.308.276.490	8.817.824.850	987.178.600.328
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	683.131.793.511	294.232.670.252	63.703.969.034	921.684.889	1.041.990.117.686
Tại ngày 30/06/2010	658.422.375.723	257.585.065.478	60.545.755.448	642.805.939	977.196.002.588

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng, cầm cố các khoản vay: 488.598.001.294

* Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30/06/2010 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.100.051.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và vẫn được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/06/2010		Tại ngày 01/01/2010	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		10.400.000.000		1.400.000.000
+ Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên		9.000.000.000	-	-
Lý do thay đổi:				
Mua lại phần đầu tư liên doanh vào Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên				
+ Công ty CP Phong điện Thuận Bình	140.000	1.400.000.000	140.000	1.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác		171.458.000.000		171.458.000.000
Đầu tư dài hạn khác		171.458.000.000		171.458.000.000
- Công ty CP thủy điện Sesan 4		9.978.000.000		9.978.000.000
+ Công ty CP thủy điện Sêrêpok		10.800.000.000		10.800.000.000
- Công ty CP Cơ điện Đồng Nai		1.100.000.000		1.100.000.000
- Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh		149.580.000.000		149.580.000.000
Cộng		181.858.000.000		172.858.000.000

9. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	38.812.000.000	77.624.000.000
- Vay Tập đoàn Điện lực	21.312.000.000	42.624.000.000
- Vay Công ty CP Tài chính Điện lực	17.500.000.000	35.000.000.000
Cộng	38.812.000.000	77.624.000.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT	282.989.588	2.692.847.348
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	29.408.963.394	37.129.870.925
Thuế thu nhập cá nhân	64.298.090	99.510.651
Thuế tài nguyên	164.857.560	1.490.949.040
Cộng	29.921.108.632	41.413.177.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

11. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.897.105.658	87.998.458
Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	6.420.674.950	7.081.345.034
Lãi vay phải trả Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	8.032.500.000	8.610.000.000
Cộng	18.350.280.608	15.779.343.492

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	142.760.832	129.146.140
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	21.034.364.490	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.238.187.400	2.573.616.900
Các khoản phải trả khác	1.337.869.024	1.237.763.777
Cộng	25.753.181.746	3.940.526.817

13. Vay và nợ dài hạn

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	493.114.248.446	493.114.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực (1)	213.114.248.446	213.114.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	280.000.000.000	280.000.000.000
Cộng	493.114.248.446	493.114.248.446

(1) Đây là khoản vay với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN-Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm từ ngày 01/01/2008 đến 10/10/2015, tiền gốc và lãi được trả mỗi năm 2 kỳ.

Lãi suất cho vay:

- Từ 01/01/2008 đến 10/10/2008: 11,00%/năm
- Từ 11/10/2008 đến 31/12/2008: 19,88%/năm
- Năm 2009 và 2010 lãi suất 12% (tuy nhiên sẽ được điều chỉnh tương ứng với lãi suất áp dụng để tính trong giá bán điện trong hợp đồng mua bán điện ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ)
- Từ 2011 đến 2015: Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biến 2,5%/năm nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13. Vay và nợ dài hạn (tiếp)

(2) Đây là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD – TCDL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa là 10 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tiền gốc và lãi được trả 03 tháng/lần từ 11/04/2009.

Lãi suất cho vay:

- Từ 10/10/2008 đến 10/01/2009: 19,88%/năm
- Từ 11/01/2009 đến 10/07/2010: 12,00%/năm
- Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

14a. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2010 CP	Tại ngày 01/01/2010 CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ		
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP):	10.000	10.000

14b. Các quỹ

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.057.749.614	7.057.749.614
Quỹ dự phòng tài chính	12.197.387.119	3.453.588.532

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
Khu K5, Long Thủy, Phước Long, Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

14c. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Tại ngày 01/01/2009	700.000.000.000	3.692.107.320	10.542.012.208	66.051.050.751	780.285.170.279
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	1.844.193.251	174.860.913.202	176.705.106.453
- Tăng khác	-	-	-	2.014.593.311	2.014.593.311
- Phân phối lợi nhuận 2008	-	3.453.588.532	(3.453.588.532)	(24.431.878.584)	(24.431.878.584)
- Tạm chia có tức năm 2009	-	-	-	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)
- Giảm theo quyết toán CPH	-	(87.946.238)	(5.479.028.395)	(41.619.172.167)	(47.186.146.800)
Tại ngày 31/12/2009	700.000.000.000	7.057.749.614	3.453.588.532	141.875.506.513	852.386.844.659
Tại 01/01/2010	700.000.000.000	7.057.749.614	3.453.588.532	141.875.506.513	852.386.844.659
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	9.246.141.754	9.246.141.754
- Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	5.000.000.000	8.743.798.587	(13.743.798.587)	-
- Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.843.312.500)	(3.843.312.500)
- Chia có tức từ lợi nhuận năm 2009 (*)	-	-	-	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)
Tại 30/06/2010	700.000.000.000	12.057.749.614	12.197.387.119	84.534.537.180	808.789.673.913

(*) Đây là khoản phân phối lợi nhuận năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty CP Thủy điện Thác Mơ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.991.765.703	186.562.116.803
Trong đó:		
- Doanh thu bán điện	126.002.616.199	186.161.968.064
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.989.149.504	400.148.739

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	78.400.188.528	86.014.728.238
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.937.177.990	305.353.469
Cộng	81.337.366.518	86.320.081.707

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.026.386.826	4.281.314.473
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	10.625.000
Cộng	2.026.386.826	4.291.939.473

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay dài hạn	33.124.116.988	38.836.042.765
Cộng	33.124.116.988	38.836.042.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Báo thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin với các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu với các bên liên quan	128.347.373.018
- Công ty Mua bán điện	126.002.616.200
- Công ty CP Thủy điện Đắk R'Ti	2.344.756.818
Chi phí với các bên liên quan	33.124.116.988
- Chi phí lãi vay Tập đoàn Điện lực	14.854.116.988
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	18.270.000.000

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Các khoản phải thu	4.719.050.812	4.827.323.278
- Công ty Mua bán điện	4.676.550.812	4.784.823.278
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	42.500.000	42.500.000
Các khoản phải trả	21.246.786.726	1.542.029.509
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	21.034.364.490	-
- TT Công nghệ thông tin - EVN Telecom	-	75.297.573
- TT Viễn thông điện lực Miền Nam - EVN Telecom	-	9.297.200
- TT Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	212.422.236	212.422.236
- Công ty CP Nhiệt điện Uông Bí	-	25.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đắk R'Ti	-	1.220.012.500
Các khoản vay	531.926.248.446	570.738.248.446
- Vay của Tập đoàn Điện lực	234.426.248.446	255.738.248.446
- Vay của Công ty Tài chính CP Điện lực	297.500.000.000	315.000.000.000
Chi phí phải trả	14.453.174.950	15.691.345.034
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	6.420.674.950	7.081.345.034
- Lãi vay phải trả Công ty Tài chính CP Điện lực	8.032.500.000	8.610.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

3. Số liệu so sánh

Số liệu tại ngày 01/01/2010 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 là số liệu báo cáo của Công ty và đã được soát xét. Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại nhằm mục đích so sánh với số liệu kỳ này.

Bình Phước, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh



Đang Giám đốc

Tuấn Hải